

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-PT

Ngày: 27- 6 - 2025

V/v *Tranh chấp yêu cầu trả lại đất và chia di sản
thừa kế quyền sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Minh Thư

Ông Hồ Đức Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp yêu cầu trả lại đất và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐ – PT ngày 13 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Võ Đình T, sinh năm 1954; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Vân A, sinh năm 1998; Trú tại: Số E, đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Quảng Trung D - Luật sư Công ty TNHH D3 - Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Phòng C N, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt

*** Bị đơn:**

- Bà Võ Thị N, sinh năm 1948; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có

mặt

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N*: Bà Đặng Thị V, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị H1, sinh năm 1969; Điều trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Ông T1 vắng mặt, bà H1 có mặt.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H1*: Bà Trương Thị H, sinh năm 2000; Trú tại: Xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị N và bà Phạm Thị H1*: Ông Nguyễn Đình G - Luật sư Công ty L1 - Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: C đường N, phường T, thành Phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Võ Thị T2, sinh năm 1952; Trú tại: K, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Trinh T3; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Trinh T6, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Trần Hữu B; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Trần Thị N1, sinh năm 1971; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Trần Hữu T8, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ông Trần Hữu T9, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Bà Lê Thị T10, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Chị Trần Thị O, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Chị Trần Thị Y; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Cháu Trần Thị Khánh L, sinh năm 2007; Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

+ *Người đại diện hợp pháp cho Trần Thị Khánh L:* Bà Lê Thị T10, sinh năm 1969, Trú tại: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

+ *Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã C:* Bà Trương Thị T11 - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND xã C. Vắng mặt

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Võ Đình T, bị đơn bà Võ Thị N và bà Phạm Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ đình T và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bố mẹ của nguyên đơn ông Võ Đình T là ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 sinh được 05 người con gồm: con gái Võ Thị D1 (đã chết), con gái Võ Thị N2 (đã chết), con gái Võ Thị N, con gái Võ Thị T2, con trai Võ Đình T.

Lúc còn sống, ông Đ1 và bà Đ1 tạo lập được thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, diện tích 669,9 m² (diện tích theo thực trạng là 645,9m²), địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; thửa đất đã được ông bà Đ1 quản lý sử dụng ổn định từ trước những năm 1960. Ngày 24/6/1990, ông Võ Đình Đ chết không để lại di chúc, bà Võ Thị Đ1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất nói trên. Ngày 13/9/2006, bà Đ1 chết không để lại di chúc, di sản mà bà Đ1 để lại là toàn bộ thửa đất số 86, tờ bản đồ 37 nêu trên. Trước khi chết bà Đ1 chưa thực hiện thủ tục tặng cho, chuyển nhượng, lập di chúc định đoạt khối tài sản trên cho ai; sau khi bà Đ1 chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế chưa tiến hành thỏa thuận phân chia di sản.

Năm 2000, bà Võ Thị N là con gái của ông bà Đ1, lợi dụng sức khỏe già yếu của bà Võ Thị Đ1 tự ý đưa con trai và con dâu là ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 về sinh sống trên thửa đất từ đó đến nay. Năm 2013, bà Phạm Thị H1 đã tự ý thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất là di sản thừa kế do bà Đ1 để lại mà không có sự đồng ý của những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngày 13/11/2013, UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 411472 mang tên Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ 37. Nhận thấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 được cấp không có cơ sở và trái quy định của pháp luật. Do đó, ngày 05/9/2022 UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 4657/QĐ-UBND về việc hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1. Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên đất để trả lại toàn thửa đất là di sản thừa kế mà ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 để lại, là thửa đất

số thửa 86, tờ bản đồ 37, diện tích 669,9 m² (diện tích thực trạng 645,9m²), địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 để lại là toàn bộ thửa đất số thửa 86, tờ bản đồ 37, diện tích 669,9 m² (diện tích thực trạng 645,9m²), địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

**Ý kiến của bị đơn bà Võ Thị N; người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị N trình bày:*

Cha mẹ của bà là ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1, cha mẹ bà có 05 người như ông Võ Đình T trình bày. Do các chị em lấy chồng và đi làm ăn xa nên năm 1990 vợ chồng bà N về sống chăm sóc cha mẹ. Năm 1990 ông Đ1 chết, năm 1994 vợ chồng bà N xin thêm đất và làm nhà ở nơi khác tại địa bàn xã C, huyện C nhưng vẫn đi lại chăm sóc bà Đ1 và để cho vợ chồng con trai mình là Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1 ở với bà Đ1. Trong quá trình sinh sống cùng bà Võ Thị Đ1, do nhà cửa trước đó của bà N sửa sang đã xuống cấp nên năm 2000 bà N đã góp tiền và công sức cùng với vợ chồng con trai xây dựng nhà kiên cố và ở từ đó đến nay. Đến năm 2006 bà Đ1 chết, chỉ có bà N và vợ chồng ông T1, bà H1 cùng nhau quản lý, sử dụng thửa đất đến nay. Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 37, tại thôn H, xã C, huyện C có nguồn gốc là của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1. Ông Đ1 và bà Đ1 chết không để lại di chúc. Năm 1990 sau khi ông Đ1 chết, bà Đ1 đã bán thửa đất nói trên cho bà N với giá 400.000 đồng nhưng không có làm giấy tờ mua bán chỉ nói bằng miệng nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh việc mua bán.

Ông Võ Đình Đ chết năm 1990, đến nay đã hơn 30 năm. Vì vậy, bà Võ Thị N đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu để không chia thừa kế phần di sản của ông Võ Đình Đ để lại. Bà N cùng vợ chồng con trai đã ở ổn định liên tục trên thửa đất trên 30 năm; quá trình sinh sống và xây dựng nhà cửa kiên cố thì bà Võ Thị Đ1 đồng ý và các con cháu của ông bà Đ1 không ai có bất kỳ ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của bà cùng vợ chồng Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1.

** Ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị H1; người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị H1 trình bày:* Bà H1 thống nhất như ý kiến trình bày của bà Võ Thị N; bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đầu năm 1994, vợ chồng bà H1 được bà N cho về ở trên thửa đất, khi vợ chồng ở đang có nhà cửa của bà N trên đó. Sau khi nhà cửa hư hỏng, xuống cấp thì đến năm 2000 bà N đã góp tiền và công sức để cùng vợ chồng bà H1 xây dựng nhà ở kiên cố và sử dụng đến nay. Khi vợ chồng bà H1 xây nhà thì bà Võ Thị Đ1 đang ở cùng và đồng ý, các con cháu của ông bà Đ1 không ai có ý kiến gì. Mặc dù, sau này bà N không ở cùng vợ chồng bà H1 nhưng vẫn thường xuyên đi lại để chăm sóc bà Đ1 cho đến khi chết; quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất, trước đây bà N là người thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, nhưng sau này vợ chồng

bà H1 là người trực tiếp nộp các loại thuế. Toàn bộ tài sản trên đất hiện nay là của vợ chồng bà H1 với bà N, đây là chỗ ở duy nhất của vợ chồng từ thời điểm về ở cùng bà Đ1 đến nay. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt, bà H1 cùng với bà Võ Thị N đã liên hệ thông báo cho ông Nguyễn Văn T1 (chồng bà H1) được biết, tuy nhiên hiện nay anh T1 đi làm ăn xa nên không có mặt theo làm việc theo yêu cầu của Tòa án.

**Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trinh T3 trình bày:*

Mẹ của ông là bà Võ Thị D1 (chết ngày 22/3/1999) con của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1; bố là ông Nguyễn Trinh D2 (chết ngày 13/12/2017); bố mẹ ông có 05 người con là Nguyễn Trinh T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Trinh T12, Nguyễn Thị T7. Ông là người được các anh chị em ủy quyền quyết định tất cả mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, ông thống nhất với ý kiến của ông Võ Đình T, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị N về về nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1. Vì vậy, ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T, đối với phần di sản mà ông và các anh chị em được hưởng theo quy định của pháp luật thì ông và bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị Thùy T13 lại toàn bộ cho ông Võ Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu B trình bày:*

Mẹ của ông là bà Võ Thị N2 (chết ngày 26/5/1989) con của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1; bố là Trần Hữu N3 (chết ngày 02/3/1989); bố mẹ ông có 05 người con là Trần Hữu B, Trần Thị N1, Trần Hữu T8, Trần Hữu T9 và Trần Hữu Q (ông Trần Hữu Q chết ngày 29/5/2019, có vợ là Lê Thị T10 và 03 người con là Trần Thị Y, Trần Thị O, Trần Thị Khánh L). Ông là người được các anh chị em ủy quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án, ông thống nhất với ý kiến của ông Võ Đình T, bà Võ Thị T2, bà Võ Thị N về về nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh là của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1. Vì vậy, ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T, đối với phần di sản ông và các anh chị em được hưởng theo quy định của pháp luật thì ông và bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9, bà Lê Thị T10, cháu Trần Thị Y, cháu Trần Thị O, cháu Trần Thị Khánh L tặng lại toàn bộ cho ông Võ Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T10, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O và Trần Thị Khánh L trình bày:*

Chồng bà Lê Thị T10 là ông Trần Hữu Q (chết ngày 29/5/2019), ông Q là con của bà Võ Thị N2; vợ chồng bà T10 và ông Q 03 người con là Trần Thị Y, Trần Thị O, Trần Thị Khánh L. Bà và các con thống nhất với ý kiến của ông Võ Đình T, bà Võ Thị T2, ông Trần Hữu B về về nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy, bà Lê Thị T10, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O và Trần Thị Khánh L nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T, đối với phần di sản bà và các con được hưởng theo quy định của pháp luật thì tặng lại toàn bộ ông Võ Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng.

** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - UBND xã C trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh do ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 sử dụng khoảng trước năm 1960, được phản ánh trên bản đồ 299. Sau khi cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 có sai sót nên UBND xã đã tham mưu cho UBND huyện thu hồi giấy CNQSDĐ. Quá trình quản lý đất đai tại địa phương chưa phản ánh có giao dịch mua bán, tặng cho, phân chia nào liên quan đến thửa đất. Từ trước đến nay thì ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 quản lý, sử dụng, sau đó đến bà N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 sử dụng đến nay. Diện tích thực trạng thửa đất đúng như kết quả Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ; ngoài việc các con cháu của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 đang có tranh chấp về chia thừa kế thì thửa đất không có tranh chấp ranh giới với các hộ liền kề cũng như các tranh chấp khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai 2013; điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27; điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên đất là di sản của ông Võ Đình Đ và Võ Thị Đ1 để lại là toàn bộ thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Phần được chấp nhận là: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên phần đất là di sản của bà Võ Thị Đ1 để lại có diện tích 322,95m², thuộc thửa đất số thửa 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp thửa đất thửa đất số 85, có chiều dài 25,36m; phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị

H1, có chiều dài 25,89m; phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 05 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m, đoạn 03 dài 3,30m, đoạn 04 dài 1,29m, đoạn 05 dài 0,27m; phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 6,62m, đoạn 02 dài 4,55m, đoạn 03 dài 0,86m.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản ông Võ Đình Đ và Võ Thị Đ1 để lại là 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Xác định phần di sản thừa kế của bà Võ Thị Đ1 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích là 322,95m², trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 122,95m², có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất thửa đất số 85, có chiều dài 25,36m; phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m; phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 05 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m, đoạn 03 dài 3,30m, đoạn 04 dài 1,29m, đoạn 05 dài 0,27m; phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 6,62m, đoạn 02 dài 4,55m, đoạn 03 dài 0,86m.

Di sản của bà Võ Thị Đ1 được chia thành 05 phần gồm: Ông Võ Đình T được hưởng 01 phần; bà Võ Thị N được hưởng 01 phần; bà Võ Thị T2 được hưởng 01 phần; ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7 cùng được hưởng 01 phần; ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9 và bà Lê Thị Tuyết C các con (chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Khánh L) cùng được hưởng 01 phần. Mỗi phần có diện tích là $322,95\text{m}^2/5 = 64,59\text{m}^2$ (trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 24,59m²), có trị giá 101.217.205 đồng.

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị T2, ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7, ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9, bà Lê Thị T10, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Khánh L về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất được hưởng cho ông Võ Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng.

2.2. Phần diện tích đất ông Võ Đình T được hưởng là 258,36m², trong đó đất ở 160m², đất trồng cây lâu năm 98,36m², trị giá là 404.868.820 đồng (*Bốn trăm linh bốn triệu tám trăm sáu tám nghìn tám trăm hai mươi đồng*), trong đó: Chia bằng hiện vật cho ông Võ Đình T phần đất có diện tích 190,3m², trong đó đất ở 160m², đất trồng cây lâu năm 30,3m², để quản lý, sử dụng, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp đất số 85, có chiều dài 25,36m;
- + Phía Tây giáp nhà ở đang sử dụng của vợ chồng bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 25,77m;
- + Phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài 6,62m;
- + Phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m.

- Phần diện tích ông Võ Đình T được hưởng nhưng không được chia bằng hiện vật (chia bằng diện tích đất) để quản lý, sử dụng là $258,36\text{m}^2 - 190,3\text{m}^2 = 68,06\text{m}^2$. Phần đất không được chia giao cho bà Võ Thị N được quyền quản lý, sử dụng và buộc bà Võ Thị N phải trả cho ông Võ Đình T số tiền là 101.388.970 đồng (*Một trăm linh một triệu ba trăm tám tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị N và vợ chồng bà Phạm Thị H1 về việc tháo dỡ, dời dọn toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất $190,3\text{m}^2$ chia cho ông Võ Đình T và không yêu cầu ông Võ Đình T phải bồi thường.

2.3. Phần đất bà Võ Thị N được chia có diện tích là $64,69\text{m}^2$, trong đó đất ở 40m^2 , đất trồng cây lâu năm $24,59\text{m}^2$. Bà Võ Thị N buộc phải trả cho ông Võ Đình T số tiền là 101.388.970 đồng (*Một trăm linh một triệu ba trăm tám tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*) để được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích $68,06\text{m}^2$. Tổng diện tích đất bà Võ Thị N được quản lý, sử dụng là $64,69\text{m}^2 + 68,06\text{m}^2 = 132,75\text{m}^2$, trong đó đất ở 40m^2 , đất trồng cây lâu năm $92,75\text{m}^2$, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp nương nước, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 4,55m, đoạn 02 dài 0,86m;

- + Phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 3,30m, đoạn 02 dài 1,29m, đoạn 03 dài 0,27m;

- + Phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m;

- + Phía Đông giáp phần đất được chia cho ông Võ Đình T, có chiều dài 25,77m.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị N với vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 về việc cùng nhau tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất $132,75\text{m}^2$.

3. Giao cho bà Võ Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 cùng nhau tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản của ông Võ Đình Đ để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế, có diện tích $322,95\text{m}^2$, trong đó đất ở 200m^2 , đất trồng cây lâu năm $122,95\text{m}^2$, có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp nương nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 3,99m, đoạn 02 dài 6,75m, đoạn 03 dài 1,54m;

- + Phía Nam giáp đường liên thôn có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 4,06m, đoạn 02 dài 8,52m, đoạn 03 dài 1,13m;

- + Phía Tây giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 12,87m, đoạn 02 dài 10,37m;

- + Phía Đông giáp phần đất chia thừa kế cho bà Võ Thị N, có chiều dài 25,89m.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/02/2025 nguyên đơn ông Võ Đình T kháng cáo bản án số 01/2025/DS-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ngày 27/02/2025 bị đơn bà Võ Thị N và chị Phạm Thị Thu H1 kháng cáo bản án số 01/2025/DS-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn Phạm Thị H1 xin rút đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 289, khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn Phạm Thị H1, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Đình T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà phạm Thị H1 di dời tài sản trên đất để trả lại thửa đất do mẹ ông T để lại và yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bà Võ Thị Đ1, vì vậy khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp yêu cầu trả lại đất và chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất*" là đúng quy định pháp luật, xác định đúng thành phần và tư cách tham gia tố tụng.

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn gửi đến Tòa án cấp sơ thẩm trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn Phạm Thị H1 xin rút toàn bộ đơn kháng cáo do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn Phạm Thị H1.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

****) Về nguồn gốc di sản:***

Theo nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, diện tích 669,9m² (diện tích thực tế đo đạc là 645,9m², trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 245,9m²), địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh do ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 tạo lập, quản lý sử dụng ổn định từ trước những năm 1960, là tài sản chung của ông bà. Theo nguyên đơn thì trước khi chết ông Đ1, bà Đ1 chưa thực hiện việc tặng cho, chuyển nhượng, lập di chúc định đoạt khối tài sản trên cho ai; sau khi bà Đ1 chết, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất chưa tiến hành thỏa thuận phân chia di sản. Theo bị đơn bà Võ Thị N thì bố mẹ chết không để lại di chúc, thửa đất này do bà N mua của bà Võ Thị Đ1 vào năm 1990 với số tiền 400.000 đồng, việc mua bán chỉ bằng miệng nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc mua bán. Vợ chồng bà N làm nhà và sinh sống trên thửa đến năm 1992 thì làm nhà ở nơi khác và để cho vợ chồng con trai là Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1 ở từ đầu năm 1994 đến nay. Năm 2013, bà Phạm Thị H1 làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất và được UBND huyện C đã cấp Giấy CNQSD đất số BP 411472 mang tên Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1 đối với thửa đất số 86, tờ bản đồ 37. Về việc ngày 05/9/2022, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 4657/QĐ-UBND hủy bỏ giá trị pháp lý Giấy CNQSD đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 thì bà Võ Thị N và bà Phạm Thị H1 không có ý kiến gì.

Theo UBND xã C, nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh do ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 sử dụng khoảng trước năm 1960, được phản ánh trên bản đồ 299. Sau khi cấp Giấy CNQSD đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 có sai sót nên UBND xã đã tham mưu cho UBND huyện thu hồi Giấy CNQSD đất. Quá trình quản lý đất đai tại địa phương chưa thấy có giao dịch mua bán, tặng cho, phân chia nào liên quan đến thửa đất. Từ trước đến nay thì ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 quản lý, sử dụng, sau đó đến bà N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 quản lý, sử dụng đến nay.

Tại hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất kê khai thửa đất 86, tờ bản đồ 37, có diện tích 669,9 m². Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích thực tế đo đạc là 645,9m², trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 245,9m². Các đương sự đều thống nhất với diện tích theo thực trạng xem xét thẩm định tại chỗ, thửa đất không có tranh chấp với các hộ liên kề; toàn bộ tài sản gắn liền với đất là của vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 với bà Võ Thị N; UBND xã xác nhận thửa đất không có tranh

chấp, không thuộc khu quy hoạch, không thuộc diện phải thu hồi.

Như vậy, có căn cứ xác định thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, diện tích theo hiện trạng 645,9m² có nguồn gốc là của của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1. Bà Võ Thị N cho rằng thửa đất được bà mua lại của bà Võ Thị Đ1, tuy nhiên bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ để xem xét. Trước khi chết ông Đ1, bà Đ1 chưa thực hiện việc tặng cho, chuyển nhượng, lập di chúc định đoạt khối tài sản trên cho ai nên xác định đây là di sản của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 để lại.

****) Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu chia thừa kế:*** Ông Võ Đình Đ chết ngày 24/6/1990, bà Võ Thị Đ1 chết ngày 13/9/2006, trước khi chết không để lại di chúc. Tính từ thời điểm mở thừa kế lần thứ nhất năm 1990 đến năm 2024 - thời điểm các đồng nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 34 năm và tính từ thời điểm mở thừa kế lần thứ hai năm 2006 đến năm 2024 là 18 năm. Đối chiếu với quy định về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là bất động sản tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của ông Võ Đình Đ đã hết, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của bà Võ Thị Đ1 vẫn còn theo luật định. Bà Võ Thị N đề nghị áp dụng thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Đ1 trước khi Tòa án ra bản án. Vì vậy, không xem xét chia thừa kế đối với di sản của ông Võ Đình Đ để lại mà chỉ chia di sản thừa kế của bà Võ Thị Đ1 để lại.

****) Về yêu cầu di dời tài sản trên đất để trả lại toàn bộ thửa đất:*** Đối với ½ phần di sản của bà Võ Thị Đ1 được chia thừa kế theo pháp luật. Như vậy, có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên phần đất là di sản của bà Võ Thị Đ1 để lại (½ diện tích thửa đất số 86, tờ bản đồ 37) để phân chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy theo hiện trạng xây dựng hiện nay thì ½ thửa đất về phía Tây chỉ còn một phần nhỏ diện tích là đất trống, còn lại đã xây dựng nhà ở kiên cố; về phần phía Đông hiện có một phần đất trống có diện tích 190,3m² chưa sử dụng, một phần đã sử dụng làm nhà kho để đồ đạc và chăn nuôi, một phần xây dựng nhà ở kiên cố. Như vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, phù hợp với thực trạng, giá trị sử dụng cần phải xác định phần di sản bà Võ Thị Đ1 để lại là ½ diện tích thửa đất về phía Đông. Cụ thể vợ chồng ông T1 và bà H1 phải dời dọn tài sản trên phần đất có diện tích 322,95m², có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp thửa đất thửa đất số 85, có chiều dài 25,36m; phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m; phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 05 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m, đoạn 03 dài 3,30m, đoạn 04 dài 1,29m, đoạn 05 dài 0,27m; phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 6,62m, đoạn 02 dài 4,55m, đoạn 03 dài 0,86m.

****) Về hàng thừa kế và phân chia di sản thừa kế:*** Các đương sự đều thống nhất xác định hàng thừa kế của ông Võ Đình Đ và bà Võ Thị Đ1 gồm: ông Võ Đình T; bà

Võ Thị N; bà Võ Thị T2; bà Võ Thị D1 (chết ngày 22/3/1999), chồng là Nguyễn Trinh D2 (chết ngày 13/12/2017) có 05 người con là Nguyễn Trinh T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Trinh T12, Nguyễn Thị T7; con Võ Thị N2 (chết ngày 26/5/1989), chồng là Trần Hữu N3 (chết ngày 02/3/1989) có 05 người con là Trần Hữu B, Trần Thị N1, Trần Hữu T8, Trần Hữu T9 và Trần Hữu Q (ông Trần Hữu Q chết ngày 29/5/2019, có vợ là Lê Thị T10 và 03 người con là Trần Thị Y, Trần Thị O, Trần Thị Khánh L).

Do đó, phần di sản của bà Võ Thị D1 sẽ được chia 05 kỷ phần cho hàng thừa kế, cụ thể: Ông Võ Đình T, bà Võ Thị N, bà Võ Thị T2 mỗi người 01 phần; 05 người con của bà Võ Thị D1 gồm ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7 được hưởng 01 kỷ phần; 04 người con còn sống của bà Võ Thị N2 và vợ con của ông Trần Hữu Q (đã chết) gồm: ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9 và bà Lê Thị T10 cùng 03 người con là Trần Thị Y, Trần Thị O, Trần Thị Khánh L được hưởng 01 kỷ phần.

Thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích theo thực trạng là 645,9m², trong đó đất ở 400m², đất trồng cây lâu năm 245,9m². Như vậy, phần di sản của bà Võ Thị D1 để lại có diện tích $645,9\text{m}^2/2 = 322,95\text{m}^2$, trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 122,95m² nên mỗi kỷ phần thừa kế có diện tích là $322,95\text{m}^2/5 = 64,59\text{m}^2$ (đất ở: 40m², đất trồng cây lâu năm: 24,59m²).

Theo kết quả định giá tài sản ngày 10/9/2024 xác định 01m² đất ở có trị giá 2.500.000 đồng; 01m² đất trồng cây lâu năm có trị giá 49.500 đồng.

Bà Võ Thị T2, ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7, ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9, bà Lê Thị T10, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Khánh L đều tự nguyện tặng cho phần di sản của mỗi người được hưởng cho ông Võ Đình T được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Như vậy, ông T được hưởng 04 kỷ phần, tương đương với diện tích 258,36m², trong đó đất ở 160m², đất trồng cây lâu năm 98,36m², tương đương với trị giá là 404.868.820 đồng. Để đảm bảo quyền, lợi ích của ông Võ Đình T và những người được hưởng phần di sản đã tặng cho ông T và theo đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Đình T thì 04 phần ông T được hưởng sẽ được chia gắn liền với nhau.

Bà Võ Thị N được hưởng 01 kỷ phần thừa kế có diện tích 64,59m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 24,59m², tương đương với trị giá 101.217.205 đồng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, phần diện tích đất di sản của bà Võ Thị D1 có 190,3m² chỉ mới xây nhà kho và khu chăn nuôi tạm bợ có thể tháo dỡ được, phần còn lại là đất trống. Phần đất tiếp theo của diện tích 190,3m² đã được bà Võ Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 xây dựng nhà (khu bếp, nhà vệ sinh,

phòng ngủ) gắn liền với nhà ngang được xây bằng gạch, bê tông, lợp ngói kiên cố thành một khối tổng thể gắn liền với nhau khó tháo dỡ. Theo bà Phạm Thị H1 thì ngôi nhà được vợ chồng tích góp tiền của và có sự đóng góp hỗ trợ của bà Võ Thị N để xây dựng sử dụng từ trước đến nay; gia đình hiện nay rất khó khăn, bà không có công việc ổn định, chồng đi làm thuê ở xa, đây là chỗ ở duy nhất của gia đình từ năm 1994 đến nay; gia đình không có điều kiện để sửa chữa, xây dựng chỗ ở mới nếu phải tháo dỡ ngôi nhà này. Theo kết quả thẩm định thì nếu chia cho ông Võ Đình T theo kỷ phần ông được hưởng sẽ phải tháo dỡ một phần nhà, việc tháo dỡ sẽ mất hoàn toàn giá trị sử dụng khu bếp, nhà vệ sinh, phòng ngủ và sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu với nhà ngang (hư hỏng hoặc mất an toàn khi sử dụng). Gia đình bà H1 có nguyện vọng được giữ lại ngôi nhà để sử dụng, phần đất có nhà này cũng chia cho bà Võ Thị N một phần nhưng bà N có nguyện vọng giữ lại nhà để cho con sử dụng. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông T và những người được hưởng di sản tặng lại cho ông T đều trình bày mục đích chia thừa kế để lấy đất làm nhà thờ. Như vậy, thay vì tháo dỡ nhà nói trên để chia cho ông Võ Đình T đủ phần đất ông được chia thì cần chia cho ông phần đất 190,3m² còn trống và chỉ mới xây dựng tạm bộ; phần còn lại đang có nhà kiên cố, cần buộc bà Võ Thị N phải hoàn trả bằng tiền cho ông Võ Đình T và giao cho bà N quản lý, sử dụng phần đất này cùng với phần đất bà được chia.

Như vậy, phần đất bà Võ Thị N phải hoàn trả bằng tiền cho ông Võ Đình T có diện tích 68,06m². Bà N cũng chấp nhận việc hoàn trả bằng tiền và xác định phần đất có nhà là đất ở để hoàn trả trị giá tối đa cho ông T, với tổng số tiền phải hoàn trả là 101.388.970 đồng. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà N cũng có nguyện vọng dành một phần đất làm nhà thờ và tự nguyện đóng góp tiền của để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Đối diện tích thực tế ông Võ Đình T được chia là 190,3m², có tứ cận cụ thể: Phía Đông giáp đất số 85, có chiều dài 25,36m; Phía Tây giáp phần nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 25,77m; Phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài 6,62m; Phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m. Trên phần đất này gia đình bà H1 và bà N đã xây dựng nhà kho, khu chăn nuôi tạm, bà H1 và bà N tự nguyện tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho ông Võ Đình T và không yêu cầu bồi thường sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với phần tài sản trên phần đất bà N được hưởng, bà và vợ chồng bà H1 thỏa thuận cùng quản lý, sử dụng và sẽ tự giải quyết với nhau.

*) Đối với phần di sản của ông Võ Đình Đ để lại đã hết thời hiệu thừa kế, các đương sự đều thừa nhận sau khi ông Đ chết thì bà N về ở với bà Võ Thị Đ1 từ năm 1990. Theo bà N, bà H1 thì bà N về ở với ông bà Đ1 từ năm 1990 đến đầu năm 1994

cho vợ chồng con trai là Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị H1 về ở trên đất nhưng bà N vẫn thường xuyên đi lại chăm sóc bà Đ1 và quản lý, sử dụng đất. Năm 2000, bà Võ Thị N cùng vợ chồng ông T1 xây dựng nhà kiên cố trên đất, quá trình xây dựng sử dụng thì bà Võ Thị Đ1 và các con cháu của ông bà Đ1 không ai có ý phản đối gì. Theo xác nhận của UBND xã C thì bà N, sau đó vợ chồng bà H1 là người thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; ngoài ông bà Đ1 thì từ trước đến nay có bà N và sau đó vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 ở trên thửa đất này đến nay. Xét thấy: Sau khi ông Võ Đình Đ chết năm 1990 đến nay thì bà Võ Thị N và sau đó là vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 là người quản lý, sử dụng đất liên tục đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà N và bà H1 thống nhất tự thỏa thuận về việc cùng nhau tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất của ông Võ Đình Đ đã hết thời hiệu chia thừa kế, có diện tích 322,95m² (đất ở: 200m²; đất trồng cây lâu năm: 122,95m²) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Vì vậy, cần giao cho vợ chồng bà H1 và bà Võ Thị N tiếp tục quản lý, sử dụng để liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Quyết định của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp, việc nguyên đơn ông Võ Đình T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về chi phí tố tụng; Các đương sự phải chịu theo quy định.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên Nguyên đơn là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tuy nhiên bị đơn bà Võ Thị N là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn Phạm Thị H1, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Đình T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai 2013; điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều

27; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29, khoản 4 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T về việc buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên đất là di sản của ông Võ Đình Đ và Võ Thị Đ1 để lại là toàn bộ thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Phần được chấp nhận là: Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H1 di dời tài sản trên phần đất là di sản của bà Võ Thị Đ1 để lại có diện tích 322,95m², thuộc thửa đất số thửa 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Đông giáp thửa đất thửa đất số 85, có chiều dài 25,36m; phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m; phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 05 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m, đoạn 03 dài 3,30m, đoạn 04 dài 1,29m, đoạn 05 dài 0,27m; phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 6,62m, đoạn 02 dài 4,55m, đoạn 03 dài 0,86m.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Đình T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản ông Võ Đình Đ và Võ Thị Đ1 để lại là 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Xác định phần di sản thừa kế của bà Võ Thị Đ1 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ 37, địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích là 322,95m², trong đó đất ở 200m², đất trồng cây lâu năm 122,95m², có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất thửa đất số 85, có chiều dài 25,36m; phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m; phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 05 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m, đoạn 03 dài 3,30m, đoạn 04 dài 1,29m, đoạn 05 dài 0,27m; phía Bắc giáp ruộng nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 6,62m, đoạn 02 dài 4,55m, đoạn 03 dài 0,86m.

Di sản của bà Võ Thị Đ1 được chia thành 05 phần gồm: Ông Võ Đình T được hưởng 01 phần; bà Võ Thị N được hưởng 01 phần; bà Võ Thị T2 được hưởng 01 phần; ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7 cùng được hưởng 01 phần; ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9 và bà Lê Thị Tuyết C các con (chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Khánh L) cùng được hưởng 01 phần. Mỗi phần có diện tích là $322,95\text{m}^2/5 = 64,59\text{m}^2$ (trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 24,59m²), có trị giá 101.217.205 đồng.

2.1. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị T2, ông Nguyễn Trinh T3, bà Nguyễn Thị T4, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Trinh T12, bà Nguyễn Thị T7, ông Trần Hữu B, bà Trần Thị N1, ông Trần Hữu T8, ông Trần Hữu T9, bà Lê Thị T10, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị O, chị Trần Thị Khánh L về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất được hưởng cho ông Võ Đình T toàn quyền quản lý, sử dụng.

2.2. Phần diện tích đất ông Võ Đình T được hưởng là 258,36m², trong đó đất ở 160m², đất trồng cây lâu năm 98,36m², trị giá là 404.868.820 đồng (*Bốn trăm linh bốn triệu tám trăm sáu tám nghìn tám trăm hai mươi đồng*), trong đó: Chia bằng hiện vật cho ông Võ Đình T phần đất có diện tích 190,3m², trong đó đất ở 160m², đất trồng cây lâu năm 30,3m², để quản lý, sử dụng, có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Đông giáp đất số 85, có chiều dài 25,36m;
- + Phía Tây giáp nhà ở đang sử dụng của vợ chồng bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn T1, có chiều dài 25,77m;
- + Phía Bắc giáp nương nước, có chiều dài 6,62m;
- + Phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 2,06m, đoạn 02 dài 6,21m.

- Phần diện tích ông Võ Đình T được hưởng nhưng không được chia bằng hiện vật (chia bằng diện tích đất) để quản lý, sử dụng là 258,36m² - 190,3m² = 68,06m². Phần đất không được chia giao cho bà Võ Thị N được quyền quản lý, sử dụng và buộc bà Võ Thị N phải trả cho ông Võ Đình T số tiền là 101.388.970 đồng (*Một trăm linh một triệu ba trăm tám tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị N và vợ chồng bà Phạm Thị H1 về việc tháo dỡ, dời dọn toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 190,3m² chia cho ông Võ Đình T và không yêu cầu ông Võ Đình T phải bồi thường.

2.3. Phần đất bà Võ Thị N được chia có diện tích là 64,69m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 24,59m². Bà Võ Thị N buộc phải trả cho ông Võ Đình T số tiền là 101.388.970 đồng (*Một trăm linh một triệu ba trăm tám tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng*) để được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 68,06m². Tổng diện tích đất bà Võ Thị N được quản lý, sử dụng là 64,69m² + 68,06m² = 132,75m², trong đó đất ở 40m², đất trồng cây lâu năm 92,75m², có tứ cận cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp nương nước, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 4,55m, đoạn 02 dài 0,86m;
- + Phía Nam giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 3,30m, đoạn 02 dài 1,29m, đoạn 03 dài 0,27m;
- + Phía Tây giáp phần đất có nhà ở của vợ chồng bà Phạm Thị H1, có chiều dài 25,89m;
- + Phía Đông giáp phần đất được chia cho ông Võ Đình T, có chiều dài 25,77m.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Võ Thị N với vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 về việc cùng nhau tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 132,75m².

3. Giao cho bà Võ Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Văn T1, bà Phạm Thị H1 cùng nhau tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản của ông Võ Đình Đ để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế, có diện tích 322,95m², trong đó đất ở 200m², đất trồng cây

lâu năm 122,95m², có tự cận:

+ Phía Bắc giáp nương nước, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 3,99m, đoạn 02 dài 6,75m, đoạn 03 dài 1,54m;

+ Phía Nam giáp đường liên thôn có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 01 dài 4,06m, đoạn 02 dài 8,52m, đoạn 03 dài 1,13m;

+ Phía Tây giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 01 dài 12,87m, đoạn 02 dài 10,37m;

+ Phía Đông giáp phần đất chia thừa kế cho bà Võ Thị N, có chiều dài 25,89m.
(Có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án sơ thẩm)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn ông Võ Đình T và bị đơn bà Võ Thị N.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên Nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn bà Võ Thị N và bị đơn bà Phạm Thị H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định trong đó bị đơn bà Võ Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn bà Phạm Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên bà Phạm Thị H1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0004781 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh nên được khấu trừ.

6. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Võ Đình T phải chịu 4.000.000 đồng, khấu trừ cho ông vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng đã nộp; buộc bà Võ Thị N phải hoàn trả cho ông Võ Đình T 1.000.000 đồng (là số tiền bà Võ Thị N phải chịu).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện Cẩm Xuyên;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền